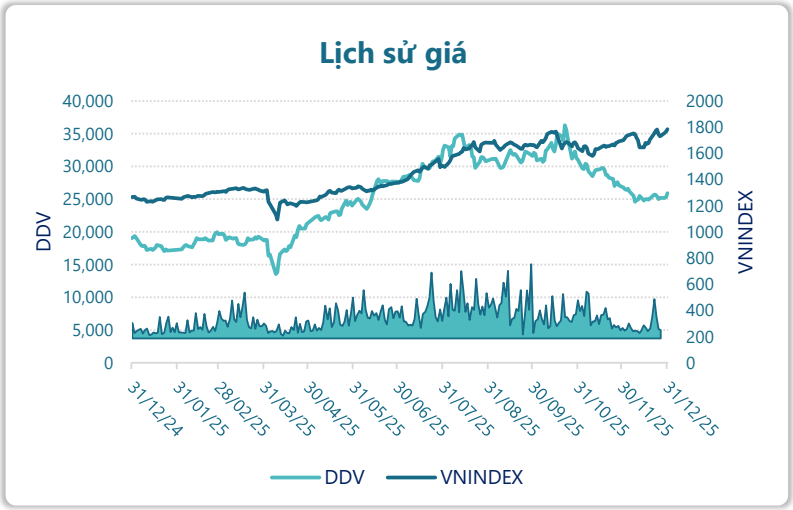
FireAnt

CTCP DAP - VINACHEM (UPCOM: DDV)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,553
SL cổ phiếu LH	146,109,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	748,870
% sở hữu nước ngoài	2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,784
P/E	6.0
EPS	4,336

DT thuần

Q4/25

1,470

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 73.0| 5.2%

YoY: ▲ 571| 63.5%

LN sau thuế

Q4/25

138

tỷ VNĐ

QoQ: ▼83.0| -37.6%

YoY: ▲ 79.2| 134%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

14.1%

+/- YoY: ▲ 7.8%

DT thuần

2025

5,624

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,259| 67.1%

LN sau thuế

2025

634

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 466| 276%

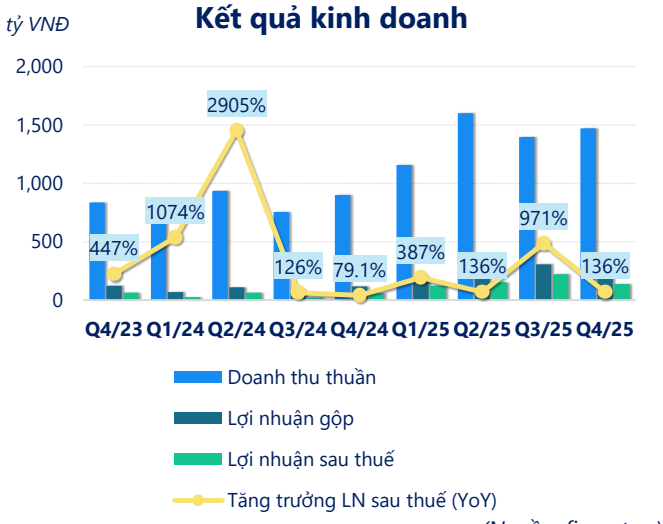
ROE

2025

31.4%

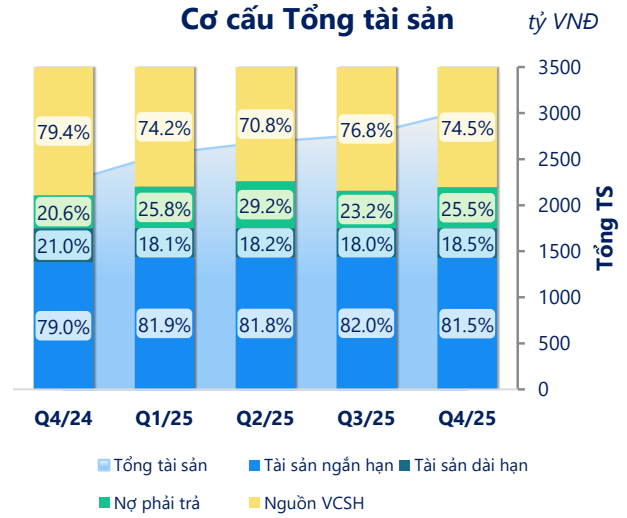
+/- YoY: ▲ 21.7%

Kết quả kinh doanh



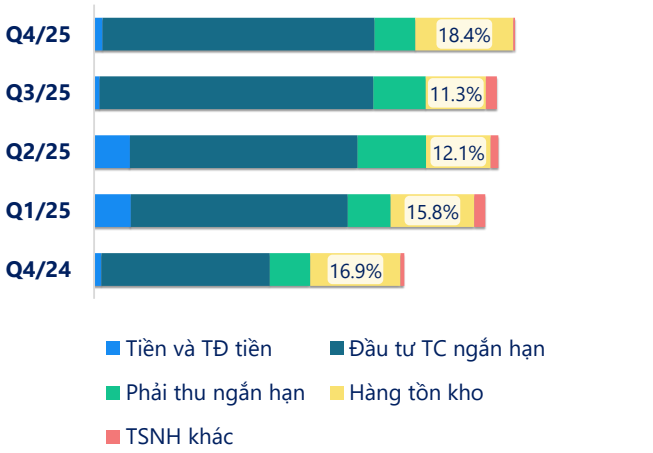
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



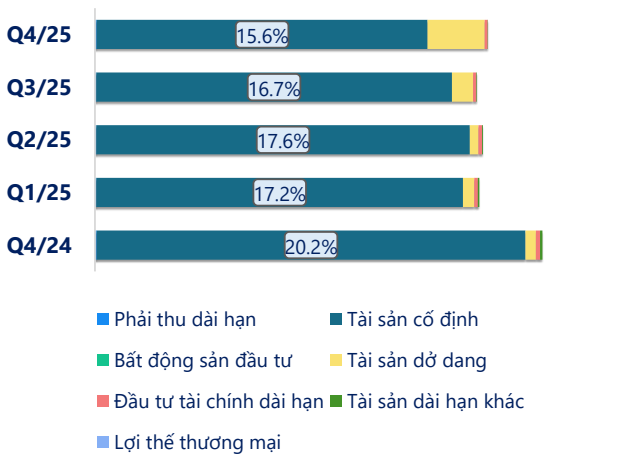
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



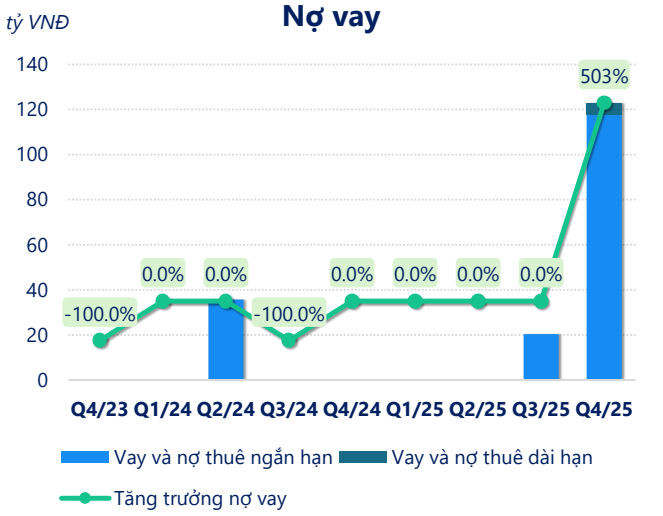
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



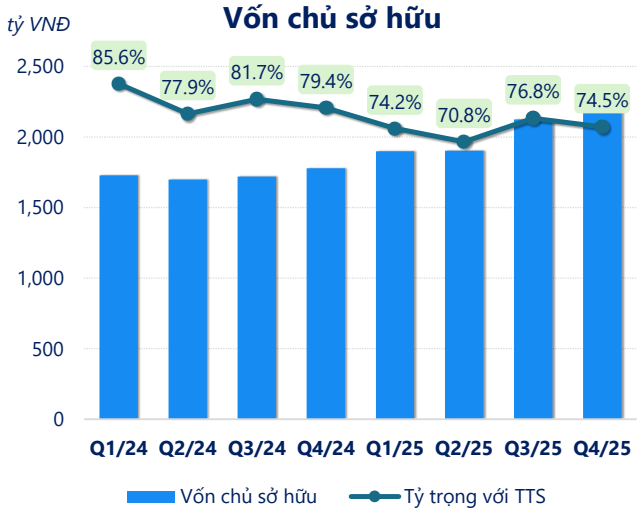
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



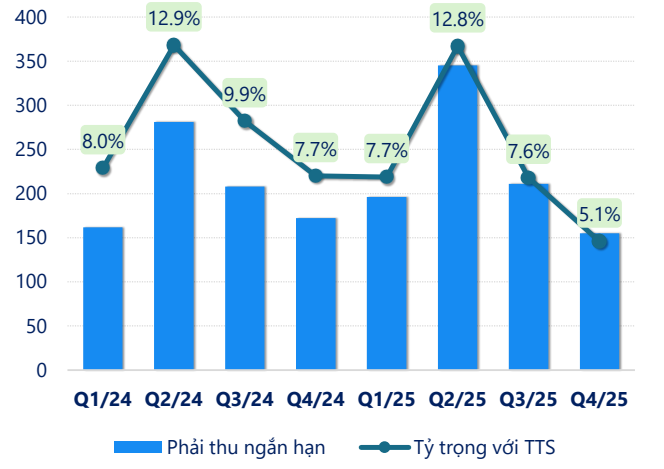
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



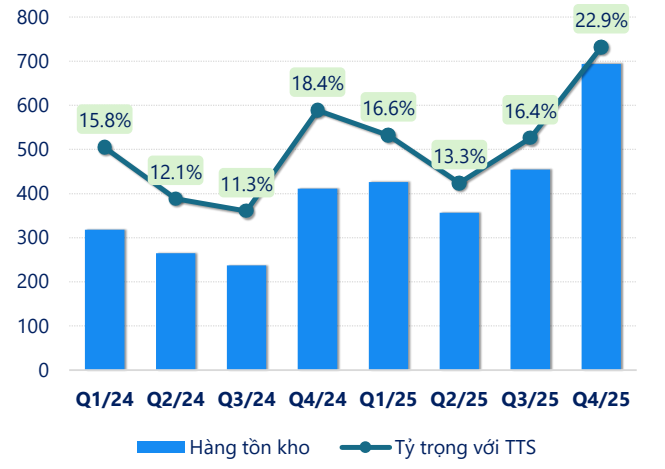
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



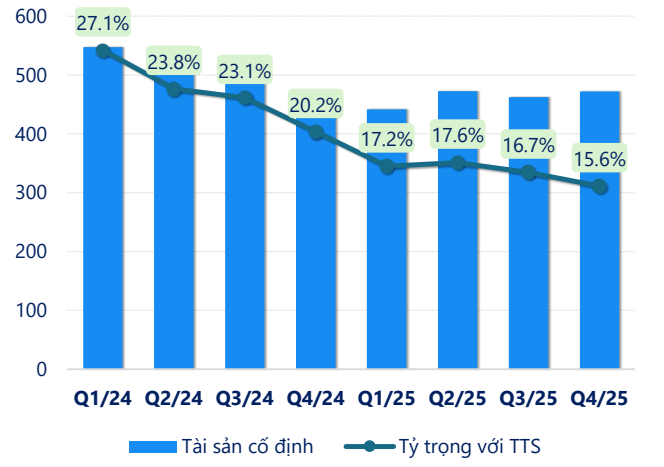
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



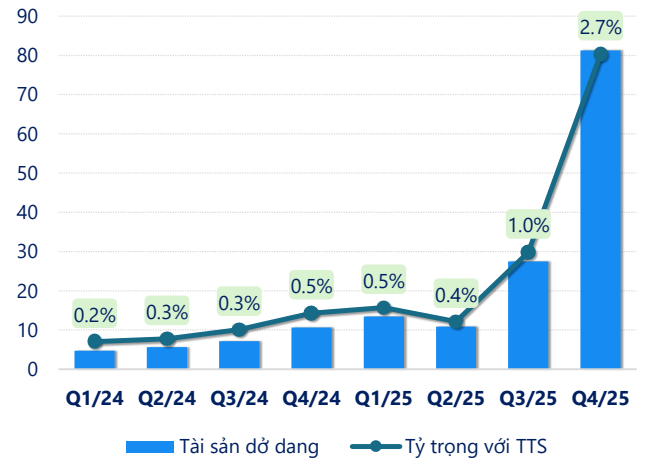
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



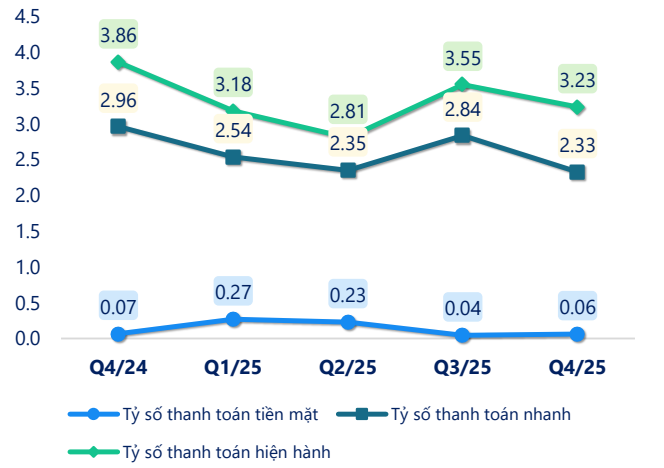
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



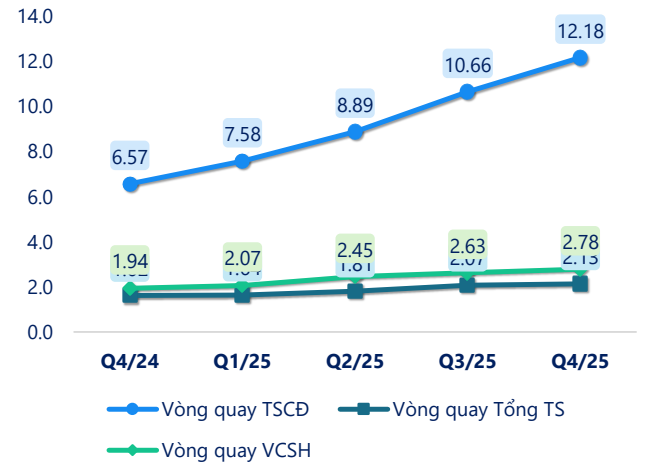
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,238**	**2,560**	**2,688**	**2,766**	**3,034**
Tài sản ngắn hạn	**1,767**	**2,097**	**2,198**	**2,269**	**2,473**
Tiền và tương đương tiền	30.8	177	181	28.5	47.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,145	1,235	1,275	1,505	1,505
Phải thu ngắn hạn	172	196	345	211	155
Hàng tồn kho	411	426	356	454	694
Tài sản ngắn hạn khác	7.54	63.0	40.7	70.0	71.7
Tài sản dài hạn	**471**	**463**	**490**	**497**	**560**
Phải thu dài hạn	1.61	1.61	1.61	1.61	2.32
Tài sản cố định	452	441	472	462	472
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.7	13.4	10.9	27.5	81.2
Đầu tư tài chính dài hạn	4.65	4.27	4.27	4.27	4.27
Tài sản dài hạn khác	2.33	1.87	1.40	0.93	0.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**460**	**661**	**786**	**642**	**772**
Nợ ngắn hạn	**458**	**659**	**783**	**640**	**765**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	20.4	117
Phải trả người bán ngắn hạn	298	391	414	220	321
Nợ dài hạn	2.24	2.24	2.24	2.24	7.45
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	5.21
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,778**	**1,899**	**1,903**	**2,124**	**2,262**
Vốn chủ sở hữu	**1,778**	**1,899**	**1,903**	**2,124**	**2,262**
Vốn điều lệ	1,461	1,461	1,461	1,461	1,461
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)